

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
Ngành: Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan
(Vegetable, Flower, Fruit and Landscape Technology)
Chuyên ngành: Hoa viên cây cảnh (Flowering and Bonsai)
Mã ngành: 52620113. Thời gian đào tạo: 4 năm

TT	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Số TC	Số tiết LT	Số tiết TH	Mã số học phần
A. Kiến thức giáo dục đại cương		Basic Subject Knowledge	48			
I. Các học phần bắt buộc		Required Subjects	36			
a) Lý luận chính trị		Polictice Science				
1	Nguyên lý 1 (Triết học Mác- Lênin)	Fundamental Principles 1 (Phylosophy)	2	30	-	MLP121
2	Nguyên lý 2 (Kinh tế chính trị và CNXHKKH)	Fundamental Principles 2 (Political economics and scientific socialism)	3	45	-	MLP132
3	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	Revolutionary Roads and Policies of Vietnamese Communist Party	3	45	-	VCP131
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's ideology	2	30	-	HCM121
b) Ngoại ngữ, Tin học, Khoa học tự nhiên, xã hội		Foreign Language, Informatic, Natural and Social Science				
5	Hóa học	Chemistry	3	40	5	CHE131
6	Hóa phân tích	Analysing Chemistry	2	25	-	ACH121
7	Sinh học đại cương	General Biology	2	25	5	GBI121
8	Toán cao cấp 1	Mathematics 1	3	45	-	MAT131
9	Xác suất- Thống kê	Probability and Statistics	3	45	-	PST131
10	Tiếng Anh 1	English 1	3	45	-	ENG131
11	Tiếng Anh 2	English 2	4	60	-	ENG142
12	Tin học đại cương	General Informatics	2	15	15	GIN121
13	Xã hội học đại cương	General Sociology	2	30	-	GSO121
14	Nhà nước và Pháp luật	State and Law	2	30	-	SLA121
II. Các học phần tự chọn (tích lũy đủ 12 TC)		Self Selection Subjects	12			
15-20	Phương pháp tiếp cận khoa học	Scientific Approach Methodology	2	30	-	SAM121
	Tiếng Anh chuyên ngành hoa viên cây cảnh	Specific English for Flowering and Bonsai	2	30	-	EFC121
	Tiếng Việt thực hành	Practical Vietnamese language	2	30	-	PVL121
	Sinh thái môi trường	Environmental Ecology	2	30	-	EEC121
	Sinh học phân tử	Molecular Biology	2	30	-	MBI121
	Vật lý	Physics	2	30	-	PHY121
	Toán ứng dụng	Applied Mathematics	2	30	-	AMA121
	An toàn vệ sinh lao động	Works Safety and Hygenic	2	30	-	WSH121
	Ô nhiễm Môi trường	Environmental Pollution	2	30	-	EPO121

	Địa lý kinh tế Việt Nam	Vietnam Economic Geography	2	30	-	VEG121
III. Giáo dục thể chất*		Physical Education	3			
	Giáo dục thể chất 1	Physical Education 1	1	-	15	PHE111
	Giáo dục thể chất 2	Physical Education 2	1	-	15	PHE112
	Giáo dục thể chất 3	Physical Education 3	1	-	15	PHE113
IV. Giáo dục quốc phòng*		National Defense Education	165 tiết			
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		Professional Knowledge				
I. Kiến thức cơ sở ngành		Basic Knowledge	20			
a) Các học phần bắt buộc		Required Subjects	16			
21	Hóa sinh đại cương	General Biochemistry	2	24	6	GBC221
22	Thực vật học	Botany	2	30	-	BOT221
23	Sinh lý thực vật	Plant physiology	2	24	6	PPH221
24	Di truyền thực vật	Plant Genetics	2	30	-	PGE221
25	Vi sinh vật đại cương	General Microorganism	2	30	-	GMO221
26	Thổ nhưỡng	Soil	2	24	6	SOI221
27	Bệnh cây đại cương	General Pathology	2	24	6	GPA221
28	Côn trùng đại cương	General Entomology	2	24	6	GEN221
b) Các học phần tự chọn (tích lũy đủ 4 TC)		Self Selection Subjects	4			
28-29	Hóa bảo vệ thực vật	Plant Protection Chemistry	2	24	6	PPC221
	Công nghệ sinh học	Bio-technology	2	24	6	BTE221
	Quản lý môi trường	Environmental Management	2	30	-	ENM321
II. Kiến thức ngành		Special Knowledge	33			
a) Các học phần bắt buộc		Required Subjects	16			
30	Bảo quản hoa sau thu hoạch	Post harvest technique on floriculture	2	30	-	PHF321
31	Quy hoạch thiết kế cảnh quan	Planing and designing landscape	2	30	-	PDL321
32	Kỹ thuật trồng hoa	Flower Cultivated Techniques	2	24	6	FCT321
33	Nhân giống hoa và cây cảnh	Flower, ornament propagation	2	24	6	FOP321
34	Kỹ thuật cây cảnh	Bonsai technology	2	30	-	BON321
35	Kỹ thuật trồng hoa lan	Orchids Technique	2	24	6	OTE321
36	Chế tác bonsai	Bonsai design	2	30	-	BDE321
37	Cây xanh đô thị	Urban plants	2	30	-	UPL321
b) Các học phần tự chọn (tích lũy đủ 17 TC)		Self Selection Subjects	17			
38-45	Kỹ thuật sản xuất cây trồng thâm và trồng chậu	Pot and layer crop producing technique	2	24	6	PLT321
	Du lịch sinh thái	Enco-Tourism	2	30	-	ETO321
	Giá thể và dinh dưỡng cây trồng	Growing media and plant nutrition	2	24	6	GPN321
	Kỹ thuật trồng hoa hồng	Rose flower cultivated technique	2	30	-	RFC321
	Kỹ thuật trồng cây không đất	Non Soil Culture Technique	3	36	9	NCT331
	Kỹ thuật trồng hoa cúc	Chrysanthemum	2	30	-	CCT321

		cultivated technique				
	Kỹ thuật trồng hoa lily	Lily flower cultivated technique	2	30	-	LFC321
	Quản trị doanh nghiệp	Enterprise Administration	2	30	-	EAD321
	GIS trong quản lý cảnh quan	GIS in landscape managment	2	30	-	GLM321
	Phong thủy vườn cảnh	Ornamental garden goemancy	2	30	-	OGG321
	Nghệ thuật cắm hoa	Art of flower arranging	2	24	6	AFA321
	Kiến trúc phong cảnh	Landscape Architecture	2	30	-	LAR321
III. Kiến thức bổ trợ		Supplemental Knowledge	6			
46	Thương hiệu và thị trường sản phẩm	Trademark and Product Market	2	30	-	TPM321
47	Phương pháp thí nghiệm	Experimental Methodology	2	24	6	EMC321
48	Khí tượng nông nghiệp	Meteorology in Agriculture	2	30	-	AME221
IV. Thực tập nghề nghiệp		Professional practice	3			
49	TTNN1: Ứng dụng quy trình kỹ thuật cho 1 loài hoa	Internship training 1: full technical packet practices for one of flower	2	-	30	FBO421
50	TTNN2: Học tập các tiến bộ khoa học kỹ thuật	Internship training 2: Study visit the advantage techviques and sciences	1	-	15	FBO412
51	Thực tập tốt nghiệp	Thesis	10	-	150	FBO905
V. Rèn nghề		Skilled Practice	5			
	Rèn nghề 1: Những thao tác cơ bản trong kỹ thuật trồng hoa và cây cảnh	Skill practice 1: Basic skills in flower and ornament cultivated technique	2	-	30	SFB421
	Rèn nghề 2: Thực hiện một công đoạn trong quy trình sản xuất cho 1 loại cây trồng	Skill practice 2: Carry out full technical packet practices for one of crops	3	-	45	SFB432
Tổng cộng		Total	120	1478	442	

Ghi chú:

- Các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và Rèn nghề không tính vào số tín chỉ của chương trình đào tạo

- 1 tín chỉ (1TC) bằng 15 tiết lý thuyết; 30 tiết thực hành; 60 tiết thực tập nghề nghiệp (tương đương 1 tuần), rèn nghề ngoài thực địa

Phân bổ các học phần trong toàn khóa học

1. Năm thứ nhất

***. Học kỳ 1**

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Nguyên lý 1 (Triết học Mác- Lênin)	2	30	-
2	Hóa học	3	40	5
3	Sinh học đại cương	2	25	5
4	Toán cao cấp 1	3	45	-
5	Tiếng Anh 1	3	45	-
6	Tiếng Việt thực hành	2	30	-
7	Giáo dục thể chất 1	1	-	15
	Cộng	16	215	25

***. Học kỳ 2**

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Nguyên lý 2 (Kinh tế chính trị và CNXHKKH)	3	45	-
2	Hóa phân tích	2	25	5
3	Xác suất- Thống kê	3	45	-
4	Tiếng Anh 2	4	60	-
5	Xã hội học đại cương	2	30	-
6	Sinh học phân tử	2	30	-
7	Giáo dục thể chất 2	1	-	15
8	Giáo dục quốc phòng-An ninh (165 tiết = 5 tuần)	-	-	-
	Cộng	17	235	20

2. Năm thứ 2

***. Học kỳ 3**

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	45	-
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	-
3	Tin học đại cương	2	15	15
4	Nhà nước và Pháp luật	2	30	-
5	Phương pháp tiếp cận khoa học	2	30	-
6	Hóa sinh đại cương	2	24	6
7	Vật lý	2	30	-
8	Giáo dục thể chất 3	1	-	15
	Cộng	16	210	30

***. Học kỳ 4**

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Sinh thái môi trường	2	30	-
2	Thực vật học	2	30	-
3	Sinh lý thực vật	2	24	6
4	Di truyền thực vật	2	30	-
5	Vi sinh vật đại cương	2	30	-
6	Côn trùng đại cương	2	24	6
7	Công nghệ sinh học	2	24	6
8	Phương pháp thí nghiệm	2	24	6
9	Khí tượng nông nghiệp	2	30	-
	Cộng	18	240	30

3. Năm thứ 3

***. Học kỳ 5**

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Thổ nhưỡng	2	24	6
2	Bệnh cây đại cương	2	24	6
3	Hóa bảo vệ thực vật	2	24	6
4	Kỹ thuật trồng hoa	2	24	6
5	Nhân giống hoa và cây cảnh	2	24	6
6	Kỹ thuật cây cảnh	2	30	-
7	Giá thể và dinh dưỡng cây trồng	2	24	6

8	Kỹ thuật sản xuất cây trồng thảm và trồng chậu	2	24	6
9	Rèn nghề 1: Những thao tác cơ bản trong kỹ thuật trồng hoa và cây cảnh	2	-	30
Cộng		18	198	72

***. Học kỳ 6**

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Kỹ thuật trồng hoa lan	2	24	6
2	Chế tác bonsai	2	30	-
3	Kỹ thuật trồng hoa hồng	2	30	-
4	Tiếng Anh chuyên ngành hoa viên cây cảnh	2	30	-
5	Kỹ thuật trồng hoa cúc	2	30	-
6	Kỹ thuật trồng hoa lily	2	30	-
7	TTNN1: Ứng dụng quy trình kỹ thuật cho 1 loài hoa	2	-	30
8	Rèn nghề 2: Thực hiện một công đoạn trong quy trình sản xuất cho 1 loại cây trồng	3	-	45
Cộng		17	174	81

4. Năm thứ 4

***. Học kỳ 7**

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Bảo quản hoa sau thu hoạch	2	30	-
2	Quy hoạch thiết kế cảnh quan	2	30	-
3	Cây xanh đô thị	2	30	-
4	Du lịch sinh thái	2	30	-
5	Kỹ thuật trồng cây không đất	3	36	9
6	Quản trị doanh nghiệp	2	30	-
7	Thương hiệu và thị trường sản phẩm	2	30	-
8	TTNN2: Học tập các tiến bộ khoa học kỹ thuật	1	-	15
Cộng		16	206	34

***. Học kỳ 8**

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Thực tập tốt nghiệp	10	-	150
Cộng		10	-	150

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 7 năm 2012

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

TS. Trần Văn Điền